

Số: 34/2026/QĐST-HNGĐ

Thanh Hóa, ngày 02 tháng 04 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 24/2026/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Lương Thị K** - Sinh năm: 1995

CCCD số: 038195018037 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 16/12/2021

Bị đơn: Anh **Hà Văn Đ** - Sinh năm: 1991

CCCD số: 038091010182 do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 22/9/2021

Cùng ĐKTT: Bản Tân Lập, **xã T, tỉnh Thanh Hóa.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 03 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 03 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị **Lương Thị K** và anh **Hà Văn Đ**.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - 2.1. Về hôn nhân: Chị **Lương Thị K** và anh **Hà Văn Đ** thuận tình ly hôn.
 - 2.2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu **Hà Bảo L** - Sinh ngày 13/6/2017 và **Hà Thế H** - Sinh ngày 16/03/2014 cho anh **Đ** trực tiếp nuôi dưỡng,

chăm sóc, giáo dục cho đến tuổi thành niên (Đủ 18 tuổi). Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con chung nên miễn xét.

Chị **K** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con

2.3. Về tài sản chung và công, nợ chung: Chị **K** và anh **D** thống nhất không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

3. Về án phí: Các đương sự thoả thuận chị **K** nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí chị **K** đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/26E/0001346 ngày 26/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa. Chị **K** được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA – TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND T. Thanh Hoá
- VKSND khu vực 13 - Thanh Hóa;
- THADS Tỉnh Thanh Hóa;
- UBND X.Trung Thành , T.Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Văn Hùng